

Số: 59 /KH-UBND

Hương Vân, ngày 01 tháng 02 năm 2023

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số phường Hương Vân năm 2023**

Thực hiện Kế hoạch số 489/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023; Theo hướng dẫn tại Công văn số 12417/UBND-DL ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn một số nội dung, nhiệm vụ trọng tâm để lập Kế hoạch chuyển đổi số của các sở, ban ngành, địa phương năm 2023;

Thực hiện Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND thị xã Hương Trà ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số thị xã Hương Trà năm 2023, Ủy ban nhân dân phường Hương Vân ban hành Kế hoạch gồm các nội dung sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

- Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

- Kế hoạch số 138-KH/TU ngày 20/02/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế 2.0;

- Kế hoạch hành động số 70/KH-UBND ngày 30/3/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Chương trình hành động số 120/CTr-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khóa XIV về Chuyển đổi số thị xã Hương Trà đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình hành động số 1742/CTr-UBND ngày 06/6/2022 của UBND thị xã về thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã khóa XIV về chuyển đổi số thị xã Hương Trà đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xây dựng xã hội số để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; kết nối, cung cấp dịch vụ, giải quyết mối quan hệ và thay đổi phương thức sống, làm việc của người dân; góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, chính quyền, thay đổi lề lối làm việc của cán bộ, công chức.

- Tiến hành triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong cơ quan Nhà nước, dần hoàn thiện các chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên cơ sở các nội dung của Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển chính quyền số

- Kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin.

- 100% TTHC theo quy định của tỉnh được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ đạt 50%.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt 30%.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền.

- Triển khai công tác số hóa phục vụ chuyển đổi mô hình công sở số; phấn đấu đạt trên 80% tiêu chí về hoàn thiện chính quyền số.

- Phấn đấu chỉ số người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%.

- Phối hợp với các Sở chuyên ngành xây dựng dữ liệu số đạt 60% yêu cầu của ngành và đồng bộ thống nhất để tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn quy định tại Quyết định số 54/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh được triển khai đúng yêu cầu; 95% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

- 100% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

b) Phát triển kinh tế số

- Phân đầu 90% doanh nghiệp ở các lĩnh vực, ngành nghề triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.

- Phân đầu 70% công chức có sử dụng ví điện tử Hue-S để thanh toán dịch vụ thiết yếu cơ bản như: điện, nước, viễn thông, dịch vụ công, học phí, viện phí,... và các hoạt động mua sắm trực tuyến.

- 40% người dân có cài Hue-S tại phường tiếp cận được dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên Hue-S.

- Ít nhất 30% doanh nghiệp tại phường tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên Hue-S.

- Ít nhất 20% doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tại phường có áp dụng giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt được hỗ trợ thông qua chương trình Hue-S.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 30%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nền tảng số đạt khoảng 50%;

c) Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 70%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 50%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 70%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 60%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số đạt 50%.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

a. Ngày Chuyển đổi số

Căn cứ hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông, các văn bản hướng dẫn các cấp và điều kiện thực tế trên địa bàn, ban hành các Kế hoạch: Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023; Kế hoạch hưởng ứng và phổ biến Tháng 10 - Tháng Tiêu dùng số.

b. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Tham gia các hội nghị, chương trình đào tạo nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho người đứng đầu, lãnh đạo do UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

c. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

- Tiếp tục triển khai thông báo CBCC trên địa bàn phường tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia trên Zalo để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

2. Thể chế số

- Bám sát các văn bản của UBND tỉnh, các sở ngành cụ thể hóa tại địa phương đảm bảo nguyên tắc kịp thời, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn.

- Xây dựng các quy định, các văn bản liên quan nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước.

- Ban hành các chính sách, cơ chế khuyến khích phát triển doanh nghiệp số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và nguồn nhân lực số.

3. Hạ tầng số

- Sử dụng hạ tầng dùng chung, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh cho công tác chuyển đổi số.

- Đầu tư hạ tầng đường tuyến CPNet đảm bảo dung lượng truy cập theo yêu cầu của chuyển đổi số.

- Triển khai đồng bộ hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của tỉnh đối với cơ quan Đảng, mặt trận, đoàn thể và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng mô hình công sở số, trong đó ưu tiên hạ tầng phòng họp số kết hợp với thiết chế phòng điều hành số.

- Hiện đại hóa hạ tầng đầu cuối cho cán bộ, công chức theo hướng trang bị có tính di động phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số.

- Cùng với tỉnh, triển khai phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng, kết nối Internet đến tất cả các khu vực dân sinh trên địa bàn.

- Tiếp tục đầu tư hệ thống máy vi tính để đảm bảo 01 CBCC/ 01 máy tính.

- Tiếp tục nâng cấp trang thông tin điện tử phường nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu, khai thác, sử dụng dịch vụ công của người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai cài đặt, sử dụng giải pháp phòng, chống mã độc máy tính tập trung BKAV Endpoint, Viettel Endpoint theo chủ trương của tỉnh để đảm bảo 100% máy tính được bảo vệ.

- Đầu tư thiết bị cho phép thanh toán không dùng tiền mặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phường.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả và nâng cấp khi cần thiết các Kios tra cứu thông tin và thiết bị phục vụ quản lý điều hành của cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân khi tham gia vào hệ thống dịch vụ công.

4. Dữ liệu số

- Phối hợp với các Sở ngành hoàn thành số hóa dữ liệu ngành: Y tế, Giáo dục, Nông nghiệp, Văn hóa, Du lịch, Lao động,...

- Tiếp tục triển khai cung cấp, chia sẻ dữ liệu lên Cổng dữ liệu mở phục vụ cho cơ quan nhà nước trong công tác quản lý, người dân và doanh nghiệp trong học tập, sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và trực liên thông của tỉnh (LGSP).

- Tiếp tục duy trì các ứng dụng dùng chung, hệ thống hội nghị trực tuyến; việc giao, nhận văn bản trực tiếp trên hệ thống đảm bảo 100% văn bản đi, đến của cơ quan, đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (trừ các văn bản mật).

- Trang thông tin điện tử phường tiếp tục thực hiện tốt việc thông tin, tuyên truyền các hoạt động chỉ đạo, điều hành; minh bạch thông tin, phục vụ ngày càng hiệu quả cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Nền tảng số

- Triển khai nền tảng LGSP trong việc kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu thống nhất trên toàn tỉnh.

- Triển khai Nền tảng bản đồ số.

- Vận hành nền tảng họp trực tuyến.

- Triển khai Nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp.

- Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Triển khai Nền tảng Hỗ trợ, tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Quản lý tiêm chủng.

6. Nhân lực số

- Bố trí nhân lực chuyên trách, kiêm nhiệm chuyên đổi số, an toàn thông

tin. Phối hợp tham gia tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ nhân sự này.

- Tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT.
- Tiếp tục kiện toàn và tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ về chuyển đổi số cho các Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Tập huấn nâng cao kỹ năng số cho người lao động.
- Thực hiện chuyển đổi số trong các trường học trên địa bàn thị xã.
- Triển khai các chương trình phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển các doanh nghiệp số, chuyển đổi số của doanh nghiệp.

7. An toàn thông tin mạng

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức an toàn thông tin của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, doanh nghiệp để triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho chuyển đổi số.
- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến các cán bộ, nhân viên trong cơ quan nhà nước và các cơ quan, đơn vị, địa phương về chuyển đổi số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật, hoàn thiện các văn bản, quy định về an toàn thông tin.
- Xây dựng quy định về quản lý hệ thống mạng LAN. Thực hiện theo dõi và giám sát kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng LAN, đường truyền CPNET, đường truyền internet của địa phương.
- Ứng dụng chứng thực, chữ ký số để thực hiện các giao dịch và quy định bắt buộc sử dụng như là một yêu cầu nhằm xác thực danh tính văn bản điện tử (ngoại trừ văn bản mật) nhằm đảm bảo an toàn thông tin. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số công cộng trong các giao dịch số.
- Đảm bảo kinh phí cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng tối thiểu, đặc biệt là tất cả hệ thống máy tính đều được cài đặt, sử dụng giải pháp phòng, chống mã độc tập trung BKAV Endpoint, Viettel Endpoint theo chủ trương của tỉnh.
- Tổ chức triển khai toàn diện các giải pháp, ứng dụng quốc gia về an toàn thông tin cho cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp.
- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững.

8. Chính quyền số

- Phối hợp với các sở ngành số hóa dữ liệu chuyên ngành.
- Triển khai Nền tảng làm việc số (nền tảng quản trị công việc tổng thể)

thống nhất, giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước. Nền tảng cho phép toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước từ cấp huyện đến cấp xã đăng nhập một lần, trải nghiệm xuyên suốt, đồng bộ các chức năng về thư điện tử, văn bản điện tử, lịch làm việc, họp trực tuyến, đôn đốc, nhắc việc, chia sẻ tệp tin và các chức năng khác hỗ trợ công vụ. Nền tảng có khả năng thấu hiểu hành vi của từng người sử dụng, qua đó, hỗ trợ người sử dụng nâng cao hiệu suất, chất lượng giải quyết công việc.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác số hoá hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, ưu tiên đặc biệt nhiệm vụ kết nối, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh để tự động điền các thông tin vào biểu mẫu điện tử và cắt giảm thành phần hồ sơ, bảo đảm nguyên tắc tổ chức, cá nhân chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

9. Kinh tế số

- Tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 và Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Sử dụng các tiện ích mua sắm thanh toán hàng hóa, dịch vụ thanh toán trực tuyến để thúc đẩy phát triển kinh tế số. Đẩy mạnh triển khai, phát triển các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thị xã.

10. Xã hội số

- Tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế theo hướng dẫn tại văn bản số 781/BTTTT-QLDN ngày 04/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả các Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử thị xã và các phường, xã về các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động, truyền thông về chuyển đổi số, nâng

cao nhận thức, kỹ năng số đối với nhân dân trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả phường; rà soát, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị CNTT đảm bảo điều kiện thực tế trong thực hiện tiếp nhận và trả kết quả dịch vụ công trực tuyến; tham gia đào tạo kiến thức về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho công chức bộ phận một cửa đảm bảo giải quyết, hỗ trợ tương tác với người dân và doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số... Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số gắn liền với thực hiện cải cách hành chính.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Thúc đẩy các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số.

4. Thu hút, phát triển nguồn lực CNTT

- Cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao khả năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để sử dụng tốt các ứng dụng, hệ thống thông tin đã triển khai, đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng cao của công việc.

- Thông tin tuyên truyền nâng cao ý thức của cán bộ, công chức trong việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giải quyết công việc, sử dụng văn bản điện tử và kỹ năng an toàn thông tin.

- Tham dự đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn chuyên ngành về CNTT, ATTT, chuyển đổi số do UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chuyên môn cấp trên tổ chức.

5. Tăng cường hợp tác

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị viễn thông, CNTT, các doanh nghiệp liên quan trong tổ chức ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn.

- Tham gia các hoạt động hợp tác trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm...).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn phòng – thống kê

- Chủ trì tham mưu tổ chức triển khai; kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này. Tham mưu xây dựng các quy định để tạo giải pháp chuyển đổi số trong cơ quan.

- Tham mưu, đề xuất UBND phường điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hoặc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Công chức Văn hoá – xã hội

Tham mưu tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch số 489/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Kế hoạch này đến đội ngũ cán bộ công chức, người lao động trên toàn địa bàn nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của chuyển đổi số trong quá trình phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số mà chương trình đã đề ra.

Xây dựng phóng sự, tin, bài tuyên truyền về công tác Chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3. Công chức Tài chính – kế toán

- Tham mưu UBND phường xem xét, bố trí nguồn lực đảm bảo cho hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn phường;

- Bố trí kinh phí duy trì, nâng cấp Trang thông tin điện tử phường, kinh phí thuê dịch vụ, kinh phí triển khai ứng dụng và phát triển CNTT.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Văn phòng – thống kê phường để tổng hợp, báo cáo UBND phường, thị xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã;
- Thường vụ Đảng uỷ;
- TT. HĐND phường;
- Ban thường trực UBMTTQVN phường;
- CT và các PCT UBND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Hoá

